TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/DS-ST
Ngày 27/12/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nay H'Chiêm.

Bà Đỗ Thị Giang.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Trong ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2018 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX-DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1988; Địa chỉ: 265 đường H, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Thanh T, sinh năm 1978 và chị Dương Thị T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 12/7/2018, ngày 29/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đăng T trình bày:

Anh T và bà Dương Thị T là chỗ quen biết. Ngày 02/12/2016, bà Dương Thị T có vay của anh T số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn trả gốc và lãi là 02 ngày kể từ ngày vay; ngày 20/01/2017, bà Dương Thị T và tiếp tục vay của anh T số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn trả gốc và lãi là 20 ngày kể từ ngày vay, lãi suất của 02 khoản vay này do các bên tự thỏa thuận khi bên vay trả tiền gốc. Lúc vay, bà Dương Thị T có thế chấp cho anh T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản gốc), tại thửa số 57a, tờ bản đồ số 29, diện tích 540m2, tại thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AL

684904 được UBND huyện C cấp ngày 11/01/2008 đứng tên Huỳnh Thanh T và Dương Thị T. Sau đó bà Dương Thị T có trả cho anh số tiền 100.000.000 đồng, như vậy bà Dương Thị T còn nợ anh T 150.000.000đ tiền gốc. Hiện nay, đã quá thời hạn trả nợ nhưng bà Dương Thị T không trả nợ cho anh T như đã cam kết và anh T hiện đang giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà bà Dương Thị T đã thế chấp cho anh T.

Do đó, anh T đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Thanh T và bà Dương Thị T phải trả số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 30/3/2017 cho đến ngày 27/12/2018, với mức lãi suất 1,65%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 49.800.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh T thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 29/4/2017 đến ngày 27/12/2018, với mức lãi suất 1,65%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 49.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 09/8/2018 và 31/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị T trình bày:

Bà Dương Thị T công nhận bà có vay của anh Nguyễn Đăng T số tiền 250.000.000 đồng, đã trả được100.000.000 đồng. Hiện nay, bà Dương Thị T còn nợ anh T 150.000.000 đồng tiền gốc, khi vay hai bên có thỏa thuận lãi, bà Dương Thị T đã trả lãi cho anh T đến ngày 29/4/2017, từ đó đến nay bà chưa trả nợ lãi cho anh T. Bà đồng ý trả nợ gốc và nợ lãi như anh T yêu cầu nhưng hiện nay do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà xin anh T số tiền nợ lãi, chỉ trả nợ gốc. Nếu anh T không đồng ý, thì bà đồng ý trả nợ cả gốc và lãi cho anh T như anh T yêu cầu, nhưng xin trả dần số tiền nợ gốc và lãi trên trong vòng 03 năm.

Đối với việc bà Dương Thị T có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 57a, tờ bản đồ số 29, diện tích 540m2, tại thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AL 684904 được UBND huyện Chư Sê cấp ngày 11/01/2008 đứng tên Huỳnh Thanh T và Dương Thị T thì bà Dương Thị T đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với bị đơn anh Huỳnh Thanh T: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Huỳnh Thanh T đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên toà hôm nay, ông Huỳnh Thanh T tiếp tục vắng mặt, không có bản tự khai, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/7/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Đăng T nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản. Xét hình thức, nội dung đơn khởi kiện đảm bảo, bị đơn có nơi cư trú tại thôn T, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập, do đó Tòa án Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa, anh T thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả từ ngày 29/4/2017 đến ngày 27/12/2018, với mức lãi suất 1,65%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 49.000.000 đồng. Căn cứ vào Điều 244 của Bộ Luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm trả nợ 150.000.000 đồng tiền gốc và nợ lãi cho anh T và yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ lãi chậm trả tính từ ngày 30/3/2017 đến ngày 29/4/2017, số tiền là 800.000 đồng.

[2] Xét thời hiệu khởi kiện: Do các bên đương sự không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu, nên miễn xét.

[3] Xét điều kiện có hiệu lực của hợp đồng.

Anh Nguyễn Đăng T với chị Dương Thị T cùng ký kết hợp đồng vay tiền với hình thức giấy cho mượn tiền mặt là có thật. Xét cả hai bên khi tham gia giao dịch đều có năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; hình thức giao dịch được lập thành văn bản. Do đó giấy vay tiền, giấy cam kết có hiệu lực thi hành kể từ ngày các bên xác lập và không bị vô hiệu.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Huỳnh Thanh T và bà Dương Thị T trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/4/2017 cho đến ngày 27/12/2018, với mức lãi suất 1,65%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 49.000.000 đồng; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Theo thỏa thuận của các bên tại giấy mượn tiền mặt thể hiện anh T đã giao đủ 250.000.000 đồng cho bà Dương Thị T. Thời hạn trả nợ của giấy cho mượn tiền mặt ngày 20/01/2017 đối với 200.000.000 đồng là 20 ngày sau kể từ ngày vay; thời hạn trả nợ của giấy cho mượn tiền mặt ngày 02/12/2016 đối với 50.000.000 đồng là 02 ngày kể từ ngày vay. Đây là khoản vay có thỏa thuận về lãi và thực tế bà Dương Thị T công nhận đã trả lãi cho anh T đến ngày 29/4/2017. Tuy nhiên, sau

khi nhận tiền vay bà Dương Thị T đã không trả nợ đúng thỏa thuận, mà chỉ trả được 100.000.000 đồng tiền gốc và trả nợ lãi đến ngày 29/4/2017 cho anh T.

Do bà Dương Thị T đã vi phạm cam kết về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn là bà Dương Thị T phải trả cho anh T 150.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 29/4/2017 cho đến ngày 27/12/2018, với mức lãi suất 1,65%/tháng, số tiền lãi chậm trả là 49.000.000 đồng còn là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Do đó, căn cứ vào các Điều 463; 466; 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn là bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 49.000.000 đồng. Tổng cộng là 199.000.000 đồng.

Đối với việc bà Dương Thị T có thế chấp cho anh T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 57a, tờ bản đồ số 29, diện tích 540m2, tại thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AL 684904 được UBND huyện Chư Sê cấp ngày 11/01/2008 đứng tên Huỳnh Thanh T và Dương Thị T để đảm bảo cho khoản vay của bà Dương Thị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, việc thế chấp này là có thật và được bị đơn thừa nhận, tuy nhiên do các bên chưa tuân thủ các quy định của pháp luật về thủ tục về thế chấp theo nên chưa có hiệu lực thi hành. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho bị đơn nếu bị đơn là bà Dương Thị T trả hết nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn là bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244, Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng T.

1. Buộc bị đơn là bà Dương Thị T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng T số tiền nợ gốc là 150.000.000 đồng và tiền nợ lãi chậm trả là 49.000.000 đồng. Tổng cộng là 199.000.000 đồng (Một trăm chín mươi chín triệu đồng).

2. Đình chỉ đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Thanh T có trách nhiệm trả nợ 150.000.000 đồng tiền gốc, tiền nợ lãi cho nguyên đơn và yêu cầu buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ lãi chậm trả tính từ ngày 30/3/2017 đến ngày 29/4/2017, số tiền là 800.000 đồng.

3. Buộc anh Nguyễn Đăng T phải có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị T 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 57a, tờ bản đồ số 29, diện tích 540m2, tại thôn D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Gia Lai theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AL 684904 được UBND huyện Chư Sê cấp ngày 11/01/2008 đứng tên Huỳnh Thanh T và Dương Thị T, khi bà Dương Thị T trả hết số tiền nợ gốc và nợ lãi chậm trả như đã nêu trên cho anh T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí:

Buộc bị đơn là bà Dương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 199.000.000 đồng x 5% = 9.950.000 đồng (chín triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng) để sung công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho nguyên đơn là anh Nguyễn Đăng T 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007540 ngày 19/7/2018 và 1.062.500 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0007592 ngày 31/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/12/2018), bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự (03 bản);
-VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai (01 bản);
- Lưu hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Tiến Sỹ